

Bản án số: **68/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 10 - 8 - 2017

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Công Gia.**

2. Ông **Nguyễn Hồng Nguyên.**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST – HNGĐ ngày 19/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979.

Bị đơn: Ông Trần Hùng V, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: 54, Tổ 6, ấp 6, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa có mặt bà T, ông V có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ý kiến của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

Bà và ông Trần Hùng V tự tìm hiểu yêu thương và kết hôn với nhau vào năm 2011. Hôn nhân của ông bà được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/10/2011. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông V không tu chí làm ăn để chăm lo cho gia đình. Mặt khác, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu và thông cảm cho nhau. Vì vậy, trong cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Ông bà sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hùng V.

- Về con chung: Bà và ông V có 04 con chung là Trần Thị Cẩm H, sinh ngày 20/01/2000; Trần Tấn T1, sinh ngày 19/11/2001; Trần Tấn T2, sinh ngày

21/02/2005 và Trần Thị Cẩm T3, sinh ngày 08/9/2009. Khi ly hôn, theo nguyện vọng của các con. Các cháu có nguyện vọng sống cùng ai người đó sẽ nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà T kê khai bà và ông V tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T kê khai bà và ông V không vay nợ ai và không ai vay nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/5/2017, ý kiến bị đơn ông Trần Hùng V:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự tìm hiểu yêu thương và kết hôn với nhau vào năm 2011. Hôn nhân của ông bà được Ủy ban nhân dân xã Phú Lập, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/10/2011. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T không chung thủy nên vợ chồng dẫn đến lục đục, cự cãi. Ông bà sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý do vẫn còn thương yêu vợ con.

- Về con chung: Bà và ông V có 04 con chung là Trần Thị Cẩm H, sinh ngày 20/01/2000; Trần Tấn T1, sinh ngày 19/11/2001; Trần Tấn T2, sinh ngày 21/02/2005 và Trần Thị Cẩm T3, sinh ngày 08/9/2009. Khi ly hôn, theo nguyện vọng của các con. Các cháu có nguyện vọng sống cùng ai người đó sẽ nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông V kê khai ông và bà T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông V kê khai ông và bà T không vay nợ ai và không ai vay nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T đã cung cấp những T1 liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện, Sổ hộ khẩu của bà T, ông V (Bản sao); Giấy chứng minh nhân dân của bà T (Bản sao); Giấy khai sinh (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này nguyên đơn đã gửi cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của bà T, ông V. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho bà T, ông V biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bà T không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Ông V vắng mặt do có đơn xin vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Bà T được ly hôn với ông Trần Hùng V.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Thị Cẩm H, sinh ngày 20/01/2000; Trần Tấn T2, sinh ngày 21/02/2005 và Trần Thị Cẩm T3, sinh ngày 08/9/2009 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Tấn T1, sinh ngày

19/11/2001 cho bà T nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Bà T, ông V trình bày ông bà tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về nợ chung: Bà T, ông V trình bày không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 05/4/2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” đối với ông Trần Hùng V – 1974, HKTT: Tổ 6, ấp 6, xã Phú Lập, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Hùng V, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Cẩm H, sinh ngày 20/01/2000; Trần Tấn T1, sinh ngày 19/11/2001; Trần Tấn T2, sinh ngày 21/02/2005 và Trần Thị Cẩm T3, sinh ngày 08/9/2009. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn".

[3]. Về tư cách tham gia tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2017, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với ông Trần Hùng V. Căn cứ theo Khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà T là nguyên đơn, ông V là bị đơn trong vụ án.

[4]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Hùng V là bị đơn trong vụ án, ông V đã thực hiện việc viết bản tự khai. Do công việc không thể đi lại tham gia hòa giải và phiên tòa nên ông Trần Hùng V có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 54 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Trần Hùng V.

[5]. Về nội dung vụ án:

Bà T, ông V tự nguyện kết hôn với vào năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã Phú Lập, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào

ngày 17/10/2011. Hôn nhân của bà T, ông V thực hiện đúng pháp luật vì vậy khi bà T có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Quá trình chung sống vợ chồng ông bà sống hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mặt khác vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau. Nên trong cuộc sống chung thường xuyên căng thẳng, cãi vã, tình cảm vợ chồng từ đó dần phai nhạt. Nay tình cảm không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Trần Hùng V.

Sau khi thụ lý vụ án, ông V đã thực hiện việc viết bản tự khai thể hiện nguyện vọng để vợ chồng đoàn tụ, chăm lo cho gia đình nhưng do bận công việc nên ông đã làm đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải.

Qua xác minh tại địa phương thì thể hiện đời sống chung của vợ chồng ông bà không còn hạnh phúc cả hai đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân cả hai không qua lại, hàn gắn tình cảm. Nay, xét thấy tình cảm với ông V không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông V. Vì vậy, để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là cho bà được ly hôn với ông Trần Hùng V là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà T, ông V có 04 con chung là Trần Thị Cẩm H, sinh ngày 20/01/2000; Trần Tấn T1, sinh ngày 19/11/2001; Trần Tấn T2, sinh ngày 21/02/2005 và Trần Thị Cẩm T3, sinh ngày 08/9/2009.

Khi ly hôn, bà T, ông V đều có nguyện vọng theo ý kiến của các con muốn sống cùng ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bà T, ông V đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Theo nguyện vọng các cháu thể hiện: Cháu Trần Thị Cẩm H, sinh ngày 20/01/2000; Trần Tấn T2, sinh ngày 21/02/2005 và Trần Thị Cẩm T3, sinh ngày 08/9/2009 có nguyện vọng sống cùng ông V; cháu Trần Tấn T1, sinh ngày 19/11/2001 có nguyện vọng sống cùng bà T.

Do vậy, giao cháu Trần Thị Cẩm H, sinh ngày 20/01/2000; Trần Tấn T2, sinh ngày 21/02/2005 và Trần Thị Cẩm T3, sinh ngày 08/9/2009 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Tấn T1, sinh ngày 19/11/2001 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T, ông V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho bà T, ông V. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Bà T, ông V khai báo ông bà tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Bà T, ông V khai báo không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 227, 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.
Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Trần Hùng V.
 2. Về con chung: Bà T, ông V có 04 con chung là Trần Thị Cẩm H, sinh ngày 20/01/2000; Trần Tấn T1, sinh ngày 19/11/2001; Trần Tấn T2, sinh ngày 21/02/2005 và Trần Thị Cẩm T3, sinh ngày 08/9/2009.
Giao cháu Trần Thị Cẩm H; Trần Tấn T2 và Trần Thị Cẩm T3 cho ông Trần Hùng V trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Tấn T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà T, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T, ông V có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.
 3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.
 4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005707 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú chuyển thành án phí.
- Bà T, ông V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Bà T được tính kể từ ngày tuyên án, ông V được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân xã PL: Để ghi vào sổ hộ tịch (Theo GCNKH số 60/2011, quyền số 01/2009);
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thịnh

